

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: **Mua sắm hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám sức khỏe định kỳ năm 2026.**
- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Cà Mau.
- Nguồn vốn: Kinh phí thường xuyên Bộ Công an cấp năm 2026.
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Công an tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 49, đường Bùi Thị Trường, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.
- Tên gói thầu: **Gói thầu số 02: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế tiêu hao.**
- Thời gian thực hiện của gói thầu: **60 ngày.**
- Loại hợp đồng: **Trọn gói.**

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
1	Dung dịch pha loãng máu toàn phần	Diluit-Sys	- Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học - Thành phần bao gồm: Sodium chloride 0.3%-0.9%; Potassium chloride 0.02%-0.1% Buffer 0.07%-0.3%; Preservative 0.01%-0.1%; Water 97.8%-99.6%. - Quy cách: 20.000ml/ Thùng	Mindray hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Á	Thùng 20 lít	Thùng
2	Hóa chất ly giải hồng cầu	Lyse-KX	- Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu - Thành phần bao gồm: Detergent 0.3%-2.0%; Buffer 0.2%-1.0%; Water 96.3%-98.9%. - Quy cách: 500ml/ Chai	Mindray hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Á	Chai 500ml	Chai
3	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu A	Anti A	Xét nghiệm phát hiện nhóm máu A trong mẫu máu người. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1.0ml	Spectrum hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Á hoặc Châu Phi	Lọ 10ml	Lọ
4	Thuốc thử xét	Anti B	Xét nghiệm phát hiện	Spectrum	Lọ 10ml	Lọ

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
	nghiệm định tính nhóm máu B		nhóm máu B trong mẫu máu người. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A501100 1.0ml	hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Á hoặc Châu Phi		
5	Hóa chất xét nghiệm Glucose sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất xét nghiệm Glucose sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - TRIS pH 7.4: 92 mmol/L - Phenol: 0,3 mmol/L - Glucose oxidase (GOD): 15000 U/L - Peroxidase (POD): 1000 U/L - 4 – Aminophenazone (4-AP): 2,6 mmol/L - Phạm vi đo: 0,3709 - 500mg/dL - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 360ml	Hộp
6	Hóa chất định lượng nồng độ AST/GOT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất định lượng nồng độ AST/GOT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GOT (ASAT) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - TRIS pH 7,8: 80 mmol/L - Lactate dehydrogenase (LDH): 800 U/L - Malate dehydrogenase (MDH): 600 U/L - L-Aspartate: 200 mmol/L - NADH: 0,18 mmol/L - α-Ketoglutarate: 12 mmol/L - Phạm vi đo: 0-467U/L - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 200ml	Hộp
7	Hóa chất định lượng nồng độ ALT/GPT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất định lượng nồng độ ALT/GPT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GPT (ALAT) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - TRIS pH 7,8: 100 mmol/L - Lactate dehydrogenase (LDH): 1200 U/L	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 200ml	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			- L-Alanine: 500 mmol/L - NADH: 0,18 mmol/L - α-Ketoglutarate: 15 mmol/L - Phạm vi đo: 0-400U/L - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)			
8	Hóa chất định lượng nồng độ GGT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất định lượng nồng độ GGT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Sử dụng để định lượng Gama GT trong huyết thanh hoặc huyết tương - TRIS pH 8,6 100 mmol / L - Glycylglycine 100 mmol / L - L-y-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 3 mmol/L - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 200ml	Hộp
9	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Uric acid trong huyết thanh hoặc huyết tương Thành phần: - Phosphate pH 7,4: 50mmol/L - 2-4 Dichlorophenol sulfonate (DCPS): 4mmol/L - Uricase: 60U/L - Peroxidase (POD): 660U/L - Ascorbate Oxidase: 200U/l - 4-Aminophenazone (4-AP): 1mmol/L - Phạm vi đo: 0,01647mg/dL đến 40mg/dL - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 360ml	Hộp
10	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - PIPES pH 6.9: 90 mmol/L - Phenol: 26 mmol/L	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 360ml	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			- Cholesterol esterase (CHE): 1000 U/L - Cholesterol oxidase (CHOD): 300 U/L - Peroxidase (POD): 650 U/L - 4 – Aminophenazone (4-AP): 0,4 mmol/L - Phạm vi đo: 0-1000mg/dL - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)			
11	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides sử dụng cho máy sinh hóa tự động	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides sử dụng cho máy sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Triglycerid trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - GOOD pH 6.3: 50 mmol/L - p-Chlorophenol: 2 mmol/L - Lipoprotein lipase (LPL): 150000 U/L - Glycerol kinase (GK): 500 U/L - Glycerol-3-oxidas (GPO): 3500 U/L - Peroxidase (POD): 440 U/L - 4 – Aminophenazone (4-AP): 0,1 mmol/L - ATP: 0,1 mmol/L - Phạm vi đo: 0-1200mg/dL - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 360ml	Hộp
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL DIRECT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL DIRECT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 6,6: 100 mM - N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0,7 mM - Cholesterol Esterase $\geq$	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 160ml	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			800 U/L - Cholesterol oxidase $\geq$ 500 U/L - Catalase $\geq$ 300 U/L - Ascorbic oxidase $\geq$ 3000 U/L - N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7,0: 1,1 mmol/L - 4 – Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM - Peroxidase: $\geq$ 3500 U/L - Phạm vi đo: 5-151mg/dL - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)			
13	Hóa chất định lượng nồng độ Urea sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất định lượng nồng độ Urea sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu Thành phần: - TRIS pH 7,8: 80 mmol/L - A-Ketoglutarate: 6 mmol/L - Urease: 75000 U/L - GLDH: 60000 U/L - NADH: 0,32 mmol/L - Phạm vi đo: 0,743-400mg/dL - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 200ml	Hộp
14	Hóa chất xét nghiệm Creatinine sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Hóa chất xét nghiệm Creatinine sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động	-Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu Thành phần: - Picnic acid: 17,5 mmol/L - Sodium hydroxide: 0,29 mol/L - Phạm vi đo: 0-35mg/dL - Xuất xứ: Châu Âu - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Spinreact hoặc tương đương/ Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 360ml	Hộp
15	Test nhanh HBsAg	Quick Test HBsAg	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc	Việt Mỹ hoặc tương đương/ Việt Nam	Hộp 50 test	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Độ chính xác tương quan: 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Ngưỡng phát hiện (LOD) : 1 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, HCV, Dengue, HIV, RF, Syphilis, TB, H.pylori. Không bị gây nhiễu bởi Sodium citrate nồng độ 3.8% và EDTA nồng độ 3.4 $\mu\text{mol/L}$ Phân loại BYT: D Đọc kết quả tại 15 phút.			
16	Test nhanh HCV	Quick Test HCV	Xét nghiệm sắc ký miễn dịch phát hiện kháng thể kháng virus HCV trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. - Vùng cộng hợp Kháng thể đơn dòng kháng IgG người - Vạch kết quả Kháng nguyên HCV -210 - Vạch chứng IgG người - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100%, Độ chính xác: 100%.	Việt Mỹ hoặc tương đương/ Việt Nam	Hộp 50 test	Hộp
17	Test dùng cho xét nghiệm đái tháo đường	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Test định lượng HbA1C bằng phương pháp miễn dịch huỳnh quang, đo trên Máy phân tích xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang - Phạm vi phát hiện cao: 14,5%	Wondfo hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Hộp 25 test	Hộp
18	Thanh thử nước tiểu 10 thông số	Deka Phan Laura	Đo được các chỉ số: Specific Gravity, Leucocytes, Nitrite, pH, Ascrobic Acid, Protein, Glucose, Ketones, Urobilinogen, Bilirubin,	Erba hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 100 que	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			Blood - Quy cách: Hộp 100 test			
19	Phim Xquang AGFA Drystar DT 5.000IB 8x10 inch (20x25cm)	Phim Xquang AGFA Drystar DT 5.000IB 8x10 inch (20x25cm)	Kích thước: 20x25cm (8" x 10") - Cấu tạo phim gồm 5 lớp: *Lớp bảo vệ *Lớp trung gian *Lớp nhạy nhiệt *Lớp cơ bản PET *Lớp bao ngoài. - Độ dày màng: 200±8 micron. thang độ xám: 14 bit, định lượng: 270g/m ² - Tương thích với các loại máy in phim X-quang in nhiệt. - Công nghệ in nhiệt - Xuất xứ: Châu Âu - Quy cách: Hộp 100 tấm	AGFA hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Âu	Hộp 100 Tấm	Hộp
20	Hóa chất xét nghiệm T3	Lumipulse G T3 Immunoreaction Cartridges	1. Chức năng/công dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro để định lượng triiodothyronine (T3) trong huyết tương hoặc huyết thanh. 2. Chất liệu/thành phần: - Dung dịch hạt phủ T2: Chứa các hạt phủ T2, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm Tris, gelatin. Chất bảo quản: natri azid. - Dung dịch kháng thể đánh dấu enzyme: Chứa kháng thể đơn dòng anti-T3 đánh dấu ALP, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm MES. Chất bảo quản: natri azid. 3. Giới hạn đo: 0,2-8 ng/mL; Độ chính xác ≤7,1%; Giới hạn phát hiện (LOD): 0,1961 ng/mL; Giới hạn định lượng (LOQ): 0,1961 ng/mL; Độ nhiễu trung bình ≤ 20%; Tuyến tính trong dãy 0,83-8 ng/mL	Fujirebio Inc. hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	3 x 14 tests/Hộp	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 5. Tiêu chuẩn đóng gói: 3x14 tests/Hộp			
21	Hóa chất xét nghiệm T4	Lumipulse G T4 Immunoreaction Cartridges	1. Chức năng/ công dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng thyroxine (T4) trong huyết tương hoặc huyết thanh. 2. Chất lượng/ thành phần: - Dung dịch hạt phủ T3: Chứa các hạt phủ T3, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm MOPS, gelatin. Chất bảo quản: natri azid. - Dung dịch kháng thể đánh dấu enzyme: Chứa kháng thể đơn dòng anti-T4 đánh dấu ALP, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm MES. Chất bảo quản: natri azid. 3. Giới hạn đo: 0,5-30,00 µg/dL; Độ chính xác ≤5,9%; Giới hạn phát hiện (LOD) : 0,4429 µg/dL; Giới hạn định lượng (LOQ): 0,4429 µg/dL; Độ nhiễu trung bình ≤20%; Tuyến tính trong khoảng 3,12-30,00 µg/dL. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 5. Tiêu chuẩn đóng gói: 3x14 xét nghiệm	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	3 x 14 tests/Hộp	Hộp
22	Hóa chất xét nghiệm TSH	Lumipulse G TSH IFCC Immunoreaction Cartridges	1. Chức năng/công dụng: sử dụng cho chẩn đoán in vitro với LUMIPULSE G System nhằm định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. 2. Chất liệu/nồng độ:	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	3 x 14 tests/Hộp	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			- Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt được phủ kháng thể đơn dòng TSH của người, chất ổn định protein, chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm natri clorua/Tris. Dung dịch này chứa gelatin và chuyển thành gel ở 15°C trở xuống. Chất bảo quản: natri azide - Dung dịch kháng thể đánh dấu bằng enzym: Chứa kháng thể đơn dòng TSH kháng người đánh dấu bằng phosphatase kiềm (ALP), chất ổn định protein, chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm natri clorua/MES. Chất bảo quản: natri azide 3. Giới hạn đo: 0.007-200.000 μIU/mL 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 5. Tiêu chuẩn đóng gói: 3x14 tests/Hộp			
23	Hóa chất xét nghiệm AFP-N	Lumipulse G AFP-N Immunoreaction Cartridges	1. Chức năng/ công dụng: sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết tương hoặc huyết thanh. 2. Chất liệu/ thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-AFP, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm Tris, gelatin. Chất bảo quản: natri azid. - Dung dịch kháng thể đánh dấu enzyme: kháng thể đơn dòng anti-AFP đánh dấu ALP, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	3 x 14 tests/Hộp	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			MES. Chất bảo quản: natri azid. 3. Giới hạn đo: 0,5-2000 ng/mL; Độ chính xác $\leq$ 3,0%; Giới hạn phát hiện (LOD) : 0,075 ng/mL; Giới hạn định lượng (LOQ): 0,075 ng/mL; Độ nhiễu trung bình $\leq$ 20%; Tuyến tính trong khoảng 173,2-2000 ng/mL. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 5. Tiêu chuẩn đóng gói: 3 x14 tests/ Hộp			
24	Hóa chất xét nghiệm CA125	Lumipulse G CA125II Immunoreaction Cartridges	1. Chức năng/ công dụng: Để sử dụng cho chẩn đoán in vitro với máy LUMIPULSE G nhằm định lượng CA125 trong huyết tương hoặc huyết thanh. 2. Chất liệu/ thành phần: - Dung dịch hạt phủ kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể đơn dòng anti-CA125, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm Tris, gelatin. Chất bảo quản: natri azid. - Dung dịch kháng thể đánh dấu enzyme: Chứa kháng thể đơn dòng anti-CA125 đánh dấu ALP, các chất ổn định protein và các chất ổn định hóa học trong dung dịch đệm MES. Chất bảo quản: natri azid. 3. Giới hạn đo: 2-1000 U/mL; Độ chính xác $\leq$ 4%; Giới hạn phát hiện (LOD): 0,657 U/mL; Giới hạn định lượng (LOQ): 0,657 U/mL; Độ nhiễu trung bình $\leq$ 20%; Tuyến tính trong khoảng 13,9-1000 U/mL. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 5. Tiêu chuẩn đóng gói:	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	3 x 14 tests/Hộp	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			3x14 tests/Hộp			
25	Hóa chất xét nghiệm PSA	Lumipulse G PSA-N Immunoreaction Cartridges	1.Chức năng/công dụng: Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt (PSA) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. 2. Chất liệu/thành phần: - Dung dịch chứa hạt phủ kháng thể đơn dòng Anti-PSA. Chất bảo quản: Natri Azid - Dung dịch chứa kháng thể đơn dòng Anti-PSA đánh dấu ALP. Chất bảo quản: Natri azid 3. Ngưỡng đo: 0,010 - 100 ng/mL; Độ chính xác $\leq 3,1\%$; Giới hạn phát hiện (LOD) 0,00665ng/mL; Giới hạn định lượng (LOQ) 0,00665 ng/mL; Độ nhiễu trung bình $\leq 20\%$. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 5. Tiêu chuẩn đóng gói: 3x14 tests/Hộp	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	3 x 14 tests/Hộp	Hộp
26	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dùng cho máy G600II	Sampling tips for LUMIPULSE SYSTEM for G600II	Sử dụng để hút mẫu bệnh phẩm	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	10x96tips	Hộp
27	Dung dịch cơ chất dùng cho máy G600II	Lumipulse G Substrate Solution for G600II	1. Chức năng/ công dụng: Chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro: Sản phẩm này là một loại thuốc thử phổ biến được dùng cho phản ứng enzym trong LUMIPULSE G System 2. Chất liệu/thành phần: Chứa AMPPD là một chất nền trong dung dịch đệm diethanolamine với chất ổn định hóa học. Chất bảo quản: natri azid. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. 4. Tiêu chuẩn đóng gói:	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	6x50 mL	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			6x50 mL/Hộp			
28	Dung dịch pha loãng mẫu bệnh phẩm 1 dùng cho G600II	Lumipulse G Specimen Diluent 1 for G600II	1. Chức năng/công dụng: Sử dụng để pha loãng mẫu 2. Chất liệu/ thành phần: Chứa NaCl trong dung dịch đệm Tris có protein và chất ổn định hóa học. Chất bảo quản: natri azid. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 4x80 mL/Hộp	Fujirebio Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	4x80 mL	Hộp
29	Dung dịch rửa miễn dịch	Lumipulse G Wash Solution for G1200 and G600II	1. Chức năng/công dụng: Chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro: Sản phẩm này là một loại thuốc thử phổ biến sử dụng để rửa LUMIPULSE G System 2. Chất liệu/thành phần: Chứa NaCl trong dung dịch đệm Tris có chứa chất tẩy rửa. Chất bảo quản: natri azid. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x1000 mL	Toyobo Co., Ltd. Tsuruga Biochemicals Plant hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	1x1000 mL	Hộp
30	Lyphocheck Immunoassay Plus Control, Level 1	Lyphocheck Immunoassay Plus Control, Level 1	Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm sau: AFP, C-Peptide, CEA, Estradiol, Ferritin, FSH, β -hCG, IgE, Insulin, LH, Progesterone, Prolactin, PSA, Free PSA, PTH, T3, T4, FT3, FT4, TSH, Testosterone.	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x5 mL	Hộp
31	Lyphocheck Immunoassay Plus Control, Level 2	Lyphocheck Immunoassay Plus Control, Level 2	Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm sau: AFP, C-Peptide, CEA, Estradiol, Ferritin, FSH, β -hCG, IgE, Insulin, LH, Progesterone, Prolactin, PSA, Free PSA, PTH, T3, T4, FT3, FT4, TSH, Testosterone.	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x5 mL	Hộp
32	Lyphocheck Immunoassay Plus Control, Level 3	Lyphocheck Immunoassay Plus Control, Level 3	Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm sau: AFP, C-Peptide, CEA, Estradiol, Ferritin, FSH, β -hCG, IgE, Insulin, LH, Progesterone, Prolactin,	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu	1x5 mL	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			PSA, Free PSA, PTH, T3, T4, FT3, FT4, TSH, Testosterone.	Mỹ		
33	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, Level 1	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, Level 1	Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm sau: ACTH, AFP, β -2-Microglobulin, CA 15-3, CA 19-9, CA 125, Calcitonin, CEA, Cyfra 21-1, Ferritin, β -hCG, Prolactin, Total PSA, Free PSA, Tg	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x2 mL	Hộp
34	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, Level 2	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, Level 2	Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm sau: ACTH, AFP, β -2-Microglobulin, CA 15-3, CA 19-9, CA 125, Calcitonin, CEA, Cyfra 21-1, Ferritin, β -hCG, Prolactin, Total PSA, Free PSA, Tg	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x2 mL	Hộp
35	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, Level 3	Lyphocheck Tumor Marker Plus Control, Level 3	Mẫu nội kiểm cho các xét nghiệm sau: ACTH, AFP, β -2-Microglobulin, CA 15-3, CA 19-9, CA 125, Calcitonin, CEA, Cyfra 21-1, Ferritin, β -hCG, Prolactin, Total PSA, Free PSA, Tg	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x2 mL	Hộp
36	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm T3	Lumipulse G T3 Calibrators	1. Chức năng/công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm triiodothyronine (T3) 2. Chất liệu/thành phần: Chứa natri azid là chất bảo quản trong huyết thanh người đã được xử lý. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x3x1,5 mL	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x3x1,5 mL/Hộp	Hộp
37	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm T4	Lumipulse G T4 Calibrators	1. Chức năng/công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm thyroxine (T4) 2. Chất lượng/thành phần: Chứa natri azid là chất bảo quản trong huyết thanh người đã được xử lý. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x3x1,5 mL/Hộp	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x3x1,5 mL/Hộp	Hộp
38	Hóa chất hiệu	Lumipulse	1. Chức năng/ công	Bio-Rad	1x3x1,5	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
	chuẩn xét nghiệm TSH IFCC	G TSH IFCC Calibrators	dụng: Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH IFCC 2. Chất liệu/ thành phần: Chứa hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong natri clorua trong đệm Tris với chất ổn định protein. Chất bảo quản: natri azide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x3x1,5 mL/Hộp	Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	mL/Hộp	
39	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm AFP-N	Lumipulse G AFP-N Calibrators	1. Chức năng/công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP-N 2. Chất lượng/thành phần: Chứa NaCl trong chất đệm phosphate có chất ổn định protein. Chất bảo quản: natri azid. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x3x1,5 mL/ Hộp	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x3x1,5 mL/ Hộp	Hộp
40	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA125II	Lumipulse G CA125II Calibrators	1. Chức năng/ công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA125 2. Chất liệu/ thành phần: Chứa NaCl trong dung dịch đệm Tris có chất ổn định protein. Chất bảo quản: natri azid 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x2x1,5 mL/Hộp	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x2x1,5 mL/Hộp	Hộp
41	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm PSA-N	Lumipulse G PSA-N Calibrators	1. Chức năng/công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA 2. Chất liệu/thành phần: Chứa NaCl trong dung dịch đệm Tris có chất ổn định protein. Chất bảo quản: natri azid. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. 4. Tiêu chuẩn đóng gói: 1x3x1,5 mL/Hộp	Bio-Rad Laboratories Inc hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Mỹ	1x3x1,5 mL/Hộp	Hộp
42	Lọ đựng	Lọ nhựa	- Lọ đựng mẫu nước tiểu	Hồng Thiện	Bọc 100	Bọc

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
	nước tiểu nắp đỏ	đựng mẫu PP 50ml HTM nắp đỏ, có nhãn	được làm từ nhựa PS hoặc nhựa PP, có nhãn giấy ghi thông tin bệnh nhân. - Nắp lọ nhựa thiết kế vặn, làm từ nhựa LDPF. - Thể tích: 50ml - Vô trùng sử dụng một lần - Quy cách: Bọc 100 lọ	Mỹ hoặc tương đương/ Việt Nam	lọ	
43	Đầu col xanh	Đầu col xanh	Dung tích 1000ul, làm từ nhựa Polypropylen (PP) - Quy cách: Bọc 500 cái	Greetmed hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Bọc 500 cái	Bọc
44	Đầu col vàng	Đầu col vàng	Dung tích 200ul, làm từ nhựa Polypropylen (PP) - Quy cách: Bọc 1000 cái	Greetmed hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Bọc 1.000 cái	Bọc
45	Edta (ống nghiệm)	Ống nghiệm EDTA K2 2ml	Nắp màu xanh dương, bên trong ống có chứa dung dịch kháng đông Ethylenediaminetetra acid: Edta-K2 hoặc Edta-K3 - Quy cách: Lọc 100 Ống	An Phát hoặc tương đương/ Việt Nam	Lọc 100 ống	Lọc
46	Heparin (ống nghiệm)	Ống nghiệm Heparin 2ml	Tube đựng mẫu máu xét nghiệm, có chứa chất kháng đông Heparin, có nhãn, có nắp đậy. - Chất liệu ống: được làm bằng nhựa PP. - Chất chống đông: Lithium Heparin - Quy cách: Lọc 100 Ống	An Phát hoặc tương đương/ Việt Nam	Lọc 100 ống	Lọc
47	Serum (ống nghiệm)	Ống nghiệm Serum 2ml	Tube đựng mẫu máu xét nghiệm, có chứa chất kháng đông, có nhãn, có nắp đậy. - Chất liệu ống: được làm bằng nhựa PP. - Chất chống đông: Polystyren được phủ lớp hạt silicamicrosized. - Quy cách: Lọc 100 Ống	An Phát hoặc tương đương/ Việt Nam	Lọc 100 ống	Lọc
48	Ống tiêm 3ml/cc	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố	Cửu Long hoặc tương đương/ Việt Nam	Hộp 100 ống	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			DEHP. Đóng gói tiệt trùng từng cái. - Quy cách: Hộp 100 Ống			
49	Cồn 70 (chai 500 ml)	Cồn 70 độ	- Cồn trắng 70 độ là cồn y tế hay còn gọi là cồn ethanol. - Hóa chất dùng để tiệt trùng các dụng cụ y tế và sát trùng vết thương do có khả năng diệt khuẩn cao.	Lê Gia hoặc tương đương/ Việt Nam	Chai 500ml	Chai
50	Gòn viên (bọc 500 gram)	Bông viên y tế 500g	Sản xuất theo tiêu chuẩn DDVN/TCCS hoặc tương đương. Làm từ 100% bông thiên nhiên. Đóng gói vô trùng 0,5kg/1 bọc	Bạch Tuyết hoặc tương đương/ Việt Nam	Bọc 500 gram	Bọc
51	Bông gòn 500g	Bông gòn 500g	Sản xuất theo tiêu chuẩn DDVN/TCCS hoặc tương đương. Làm từ 100% bông thiên nhiên. Đóng gói vô trùng 0,5kg/1 bọc	Bạch Tuyết hoặc tương đương/ Việt Nam	Bọc 500 gram	Bọc
52	Găng tay có bột	Găng tay có bột	- Chất liệu từ cao su thiên nhiên, độ đàn hồi tốt, không gây kích ứng da, sạch. - Bao tay khám có bột, sử dụng một lần. Chưa tiệt trùng. - Bề dày: 0,08mm - Chiều dài: ≥ 240 mm - Chiều rộng đối với size S: 89 ± 5 mm; size M: 95 ± 5 mm - Lực kéo đứt trước lão hóa: 7N; sau lão hóa: 6N - Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa: 650%; sau lão hóa: 550% - Quy cách: Hộp 50 đôi	Khải Hoàn hoặc tương đương/ Việt Nam	Hộp 50 đôi	Hộp
53	Khẩu trang	Khẩu trang	Khẩu trang y tế 4 lớp được làm từ vải không dệt, dây đeo móc tai hoặc dây cột, không độc hại. - Quy cách: Hộp 50 cái	Đông Pha hoặc tương đương/ Việt Nam	Hộp 50 cái	Hộp
54	Cốc huyết thanh	Cốc đựng mẫu	Chất liệu: nhựa Polystyrene (PS) Đựng mẫu xét nghiệm, sử dụng nhiều trên máy phân tích trong phòng thí	Greetmed hoặc tương đương/ Việt Nam	Bọc 500 cái	Bọc

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			nghiệm. - Quy cách: Bọc 500 cái			
55	Băng keo xé	Urgosyval 2.5cm x 5m	Keo có độ dính lâu dài, dính chắc trong tất cả các trường hợp. Lỗ thoát khí nhỏ, giúp da thông thoáng. Xé dễ dàng bằng tay. Keo oxit kẽm, không dị ứng. Kích thước 2,5cm x 5m	Urgo hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Cuộn	Cuộn
56	Băng cá nhân	Băng cá nhân	Băng miếng có đệm thấm dịch gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính, có độ thấm hút tốt, mềm mại. - Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Kích thước: 19mm x 72mm ($\geq 10\%$)	Urgotana hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Hộp 100 miếng	Hộp
57	Cuộn giấy in điện tim 63mmx30m	Cuộn giấy in điện tim	Sử dụng trên máy đo điện tim	Tianjin hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Cuộn	Cuộn
58	Cuộn giấy in siêu âm 110mmx20m	Cuộn giấy in siêu âm	Giấy in trắng đen cho máy siêu âm	Tianjin hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Cuộn	Cuộn
59	Giấy in nhiệt 57mm	Giấy in nhiệt 57mm	Giấy in nhiệt, kích thước 57mm x 20m	Tianjin hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Cuộn	Cuộn
60	Gel siêu âm	Gel siêu âm APM Sonic (hoặc tương đương)	Gel siêu âm dùng cho y tế, không dị ứng với da người, tăng rõ nét hình ảnh siêu âm, bảo vệ và chống mài mòn đầu dò siêu âm - Quy cách: Thùng 5 lít	An Phú hoặc tương đương/ Việt Nam	Can 5L	Can
61	Lam kính tròn	Lam kính xét nghiệm	Công dụng: dùng dán lam. - Tất cả các lamen được làm bằng thủy tinh đặc biệt của hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót nào, mặt cắt chính xác, mỗi lam kính được lựa chọn cẩn thận và an toàn. - Trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh	Greetmed hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Hộp 72 miếng	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			quang - Kích thước: 22mm x 22mm. - Chiều dày: 0.16mm - 0.19mm			
62	Phiếu khám sức khỏe định kỳ	Phiếu khám sức khỏe định kỳ	Phiếu Khám sức khỏe theo mẫu của đơn vị sử dụng.	Việt Nam	03 tờ/Bộ	Bộ
63	Giấy in điện tim	Giấy in kết quả điện tim	Sử dụng trên máy đo điện tim	Tianjin hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Tờ	Tờ
64	Giấy in siêu âm	Giấy in kết quả siêu âm	Giấy in trắng đen cho máy siêu âm	Tianjin hoặc tương đương/Nhóm nước: Châu Á	Tờ	Tờ
65	Bìa cứng hồ sơ khám sức khỏe đk	Bìa cứng hồ sơ khám sức khỏe đk	Bìa dày dặn , cứng cáp , có thể lưu giữ tài liệu nhiều hơn .	Việt Nam	Tờ	Tờ
66	Bấm giấy S10	Bấm giấy S10	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Cây	Cây
67	Ghim bấm S10 hộp lớn	Ghim bấm S10 hộp lớn	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Hộp 10 cái	Hộp
68	Giấy ghi chú 3x3cm	Giấy ghi chú 3x3cm	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Xấp	Xấp
69	Kéo lớn cắt giấy	Kéo lớn cắt giấy	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Cây	Cây
70	Viết dạ quang màu vàng	Viết dạ quang màu vàng	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Hộp 5 cây	Cây
71	Giấy A4 copy trắng	Giấy A4 copy trắng 70gsm	Loại giấy photocopy, giấy in, giấy văn phòng. Kích thước: 210 * 297mm Định lượng: 70gsm. - Quy cách: Gram 500 tờ	Việt Nam	Gram	Gram
72	Giấy Xanh A4	Giấy xanh 80 gsm	Loại giấy photocopy, giấy in, giấy văn phòng. Kích thước: 210 * 297mm Định lượng: 80gsm. - Quy cách: Gram 500 tờ	Việt Nam	Gram	Gram
73	Giấy A5	Giấy A5	Loại giấy photocopy, giấy in, giấy văn phòng. Kích thước: 148 * 210mm Định lượng: 70gsm. - Quy cách: Gram 500 tờ	One hoặc tương đương/Việt Nam	Gram	Gram
74	Viết xanh	Viết xanh	Nút bấm và lò xo rất nhạy và bền, không	Thiên Long hoặc tương	Hộp 10 cây	Hộp

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
			bung, không kẹt, không tự rơi ra ngoài của sổ bấm. Tay cầm có hoa văn , giúp cầm bút không trơn , trượt khi viết - Quy cách: Hộp 20 cây	đương/Việt Nam		
75	Viết chì	Viết chì	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Hộp 10 cây	Hộp
76	Tập học sinh	Tập học sinh	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Cuốn/20 0T	Cuốn
77	Sơ mi dây 20cm	Sơ mi dây 20cm	Bìa giấy dày có độ cứng cao, 3 dây 20cm	Việt Nam	Cái	Cái
78	Sơ mi dây 15cm	Sơ mi dây 15cm	Bìa giấy dày có độ cứng cao, 3 dây 15cm	Việt Nam	Cái	Cái
79	Khăn lau siêu âm	Khăn lau siêu âm	- Khăn lau có độ thấm hút. - Kích thước 30x30cm	Việt Nam	Cái	Cái
80	Pin huyết áp AA	Pin huyết áp AA	Pin 2A 1.5V có kích cỡ tiêu chuẩn với chiều dài 50mm bao gồm nút ở đầu pin và có đường kính 14 mm.sử dụng cho các thiết bị điện tử di động hay những thiết bị chuyên dụng như: đồng hồ treo tường, chuột máy tính, máy ảnh, remote điều khiển, đồ chơi của trẻ em,... - Quy cách: Hộp 20 cặp	Maxcell hoặc tương đương/Việt Nam	Hộp 20 cặp	Hộp
81	Hồ dán	Hồ dán	Dụng cụ dùng cho văn phòng	Việt Nam	Chai	Chai
82	Nước rửa tay	Nước rửa tay	Xà phòng rửa tay chứa ion Bạc+, làm sạch 99% vi khuẩn trên da.	lifebuoy hoặc tương đương/Việt Nam	Chai	Chai
83	Xà phòng bọt Ô mô 5.5kg	Xà phòng bọt Ô mô 5.5kg	Thành phần: Sodium linear alkylbenzene sulfonate, sodium carbonate, sodium sulfate, chất tạo màu, polyvinyl alcohol, chất thơm... Công dụng: Xoáy bay vết bẩn cứng đầu cho áo quần trắng tinh tươm sau một lần vò ngay cả vết dầu mỡ, socola, dầu ăn, nước sốt cà chua, cà phê, tương đen, nước trái cây. - Quy cách: Bọc 5,5kg	Việt Nam	Bọc 5,5kg	Bịch
84	Thước dây loại to	Thước dây loại to	Thước đo chiều cao	Việt Nam	cái	Cái

ST T	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Yêu cầu đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu xuất xứ/nguồn gốc	Quy cách	Đvt
	lớn	loại lớn				
85	Cân sức khỏe	Cân sức khỏe	- Phạm vi đo: 1 kg – 180 kg - Giá trị độ chia: 0,05kg - Cấp chính xác: 3 - Kích thước sản phẩm (D x R x C): (270 x 220 x 260) mm - Kích thước đóng gói (D x R x C): (310 x 310 x 20) mm - Chất liệu bằng nhựa và kính cường lực dày 6mm	Nhóm nước: Châu Á	Cái	Cây

*** Chi chú:**

- Hóa chất, vật tư y tế mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.
- Hàng hóa dự thầu phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và nêu rõ ký mã hiệu (nhãn mác sản phẩm, model), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất.
- Nhà thầu cung cấp hàng hóa theo đúng thông số kỹ thuật quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên.
- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các thiết bị đã nêu trên (kèm theo tài liệu, catalogue để chứng minh). Thông số kỹ thuật các loại hàng hóa trên được lập trên cơ sở nhu cầu sử dụng của Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư phê duyệt để xác định giá gói thầu. Nhà thầu có thể chào thầu nhà sản xuất khác miễn thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn với yêu cầu của E-HSMT là đáp ứng. Trong E-HSMT, một số tên gọi trong bảng thông số kỹ thuật nếu có chứa tên gọi riêng của một thương hiệu hay một nhà sản xuất, các hãng khác có tên gọi khác thì vẫn được chấp thuận nếu tính năng đó tương tự yêu cầu.

1.3. Các yêu cầu khác

a) Yêu cầu về bảo hành:

Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng (hoặc thời gian bảo hành theo nhà sản xuất nhưng không thấp hơn yêu cầu trên) và có thuyết minh về chế độ bảo hành.

Phương thức bảo hành: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử chuyên gia trực tiếp thực hiện bảo hành không chậm quá **24 giờ** kể từ khi được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.

b) Yêu cầu về lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa:

- Kiểm tra hàng hóa trước khi nghiệm thu.

- Trước khi nhập hàng hóa vào kho, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư các tài liệu kỹ thuật, chứng nhận xuất xưởng, giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ) để bên Chủ đầu tư kiểm tra. Các hàng hóa có đặc tính kỹ thuật không phù hợp hoặc không có giấy tờ hợp lệ sẽ không được nhập kho của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải có bản cam kết tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các mặt hàng tham gia dự thầu.

c) Yêu cầu về hướng dẫn sử dụng:

- Sau khi bàn giao, nhà thầu phải tổ chức hướng dẫn sử dụng, cách bảo quản hàng hóa cho đơn vị thụ hưởng và tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật khi có yêu cầu.

d) Đấu thầu bền vững: Không yêu cầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Kiểm tra: Quy cách, chủng loại, kích thước và các thông số kỹ thuật của hàng hóa.

- Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm quy định.

- Cách thức tiến hành kiểm tra: Hai bên tiến hành kiểm tra từng loại hàng hoá căn cứ theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết và các tài liệu có liên quan.

- Bên bán có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện để phục vụ việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu hàng hoá.

- Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu do Bên bán thanh toán.

- Những hàng hoá không đạt yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm Bên bán phải thay thế bằng những hàng hoá khác tương ứng về mặt kỹ thuật, đáp ứng được yêu cầu sử dụng, không thay đổi giá và được bên mua chấp nhận.

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải có bản cam kết về bảo đảm chất lượng và chịu hoàn toàn trách nhiệm về mặt chất lượng đối với hàng hoá tham dự thầu để cung cấp cho Chủ đầu tư.

3.2. Các Thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo quy định hiện hành.